

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK MIL  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2021/DS-ST.

Ngày: 16-11-2021.

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Tịnh

2. Ông Trương Văn Cường

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil tham gia phiên tòa:**  
Bà Lê Thu Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 250/2020/TLST-DS, ngày 16/10/2020 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 77/2021/QĐST-DS, ngày 22/10/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A

Địa chỉ: Số A, đường N, phường B, quận C, Thành phố H

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T – Tổng giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần A

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Nam T (Có mặt) - Nhân viên, Ngân hàng thương mại cổ phần A

Địa chỉ: Số A đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

- Bị đơn:

1. Chị Dương Thị H (Vắng mặt), sinh năm 1983, Nơi ĐKKHKT: Tổ 9, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh A; Nơi đăng ký tạm trú: đường N, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

2. Anh Lê Đăng K (*Vắng mặt*), sinh năm 1987, Nơi ĐKKHKT: Tổ 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đ; Nơi đăng ký tạm trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*1. Theo đơn khởi kiện nhận ngày 13 tháng 10 năm 2020 và lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa anh Lê Nam T trình bày:*

Căn cứ thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số DAL.CN.943.190917 ngày 20/9/2017 thì Ngân hàng TMCP A cấp tín dụng cho chị H và anh K theo các hợp đồng sau:

Hợp đồng cấp tín dụng số DAL.CN.848.311017 ngày 01/11/2017; khế ước nhận nợ số DAL.CN.848.31 1017(số tham chiếu 49070419) ngày 01/11/2017, chi tiết như sau: Số tiền cho vay: 430.000.000 đồng; mục đích cho vay: sản xuất kinh doanh – Bổ sung vốn lưu động – Bổ sung vốn kinh doanh vật liệu xây dựng. Phương thức cho vay: cho vay từng lần; thời hạn giải ngân: tối đa 03 tháng, kể từ ngày ký Hợp đồng cấp tín dụng (01/11/2017); thời hạn cho vay: 12 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay lần đầu. Số tiền giải ngân KUNN: 430.000.000 đồng; phương thức giải ngân: chuyển toàn bộ số tiền giải ngân vào tài khoản thanh toán số 246348269 của ông Lê Đăng K tại Ngân hàng TMCP A – CN Đ; ngày giải ngân 01/11/2017; thời hạn cho vay KUNN: 12 tháng, từ ngày 02/11/2017 đến ngày 01/11/2018; Lãi suất: 9,5%/năm, lãi suất được cố định trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay. Lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức: Lãi suất cho vay (%/năm) = LS13 + 3%/năm + X; lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn; lãi suất phạt chậm trả lãi 10%/năm.

Hợp đồng cấp tín dụng số DAL.CN.15.141217 ngày 14/12/2017; khế ước nhận nợ số DAL.CN. 15.141217 (số tham chiếu 251941479) ngày 14/12/2017, chi tiết như sau: Số tiền cho vay: 50.000.000 đồng; mục đích cho vay: sản xuất kinh doanh – Bổ sung vốn lưu động – Bổ sung vốn kinh doanh vật liệu xây dựng. Phương thức cho vay: cho vay từng lần; thời hạn giải ngân: tối đa 03 tháng, kể từ ngày ký Hợp đồng cấp tín dụng (14/12/2017); thời hạn cho vay: 12 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay lần đầu. Số tiền giải ngân KUNN: 50.000.000 đồng; phương thức giải ngân: chuyển toàn bộ số tiền giải ngân vào tài khoản thanh toán số 246348269 của ông Lê Đăng K tại A – CN Đ; ngày giải ngân 14/12/2017; thời hạn cho vay KUNN: 12 tháng, từ ngày 15/12/2017 đến ngày 14/12/2018; Lãi suất: 11,2%/năm, lãi suất được cố định trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay. Lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức: Lãi suất cho vay (%/năm) = LS13 +

5%/năm + X; lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn; lãi suất phạt chậm trả lãi 10%/năm.

Để đảm bảo cho khoản vay chị Dương Thị H và anh Lê Đăng K đã tự nguyện thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 71, tờ bản đồ số 49 tại thôn Đ, xã N, huyện K thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà H, ông K căn cứ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số DAL.BĐCN.458.311017 được công chứng tại Văn phòng công chứng Vũ Minh Vững, tỉnh Đắk Nông ngày 01/11/2017; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện K ngày 01/11/2017, số thứ tự 2999, quyển số 01. Tài sản thế chấp được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 124241 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 12/10/2017.

Ngày 01/11/2018, khoản vay theo khế ước nhận nợ số 249070419 đáo hạn nhưng chị H và anh K không thanh toán nợ vay cho Ngân hàng TMCP A. Do đó, tính kể từ ngày 02/11/2018, Ngân hàng TMCP A chuyển toàn bộ dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán của Khế ước nhận nợ trên sang nợ quá hạn.

Ngày 14/12/2018, khoản vay theo Khế ước nhận nợ số 251941479 đáo hạn nhưng chị H và anh K không thanh toán nợ vay cho Ngân hàng A. Do đó, tính kể từ ngày 15/12/2018, Ngân hàng A chuyển toàn bộ dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán của Khế ước nhận nợ trên sang nợ quá hạn.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu chị Dương Thị H và anh Lê Đăng K có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (16-11-2021) là: 763.754.528 đồng (*Bảy trăm sáu mươi ba triệu bảy trăm năm mươi tư nghìn năm trăm hai mươi tám đồng*), cụ thể:

- Hợp đồng cấp tín dụng số DAL.CN.848.311017; Khế ước nhận nợ số DAL.CN.848.311017 (số tham chiếu 249070419) ngày 01/11/2017: Nợ gốc là 430.000.000 đồng; lãi trong hạn là 169.845.288 đồng; lãi quá hạn là 68.060.164 đồng; lãi phạt chậm trả lãi là 11.414.357 đồng.

- Hợp đồng cấp tín dụng số DAL.CN.15.141217; Khế ước nhận nợ số DAL.CN.15.141217 (số tham chiếu 251941479) ngày 14/12/2017: Nợ gốc là 50.000.000 đồng; lãi trong hạn là: 23.557.260 đồng, lãi quá hạn là 9.070.685 đồng, lãi phạt chậm trả lãi là 1.806.774 đồng.

Bị đơn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất được thỏa thuận tại hợp đồng cho vay và giấy nhận nợ cho đến khi trả xong nợ; Trong trường hợp chị H và anh K không thực hiện trả nợ thì yêu cầu xử lý toàn bộ tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết và các cam kết, thỏa thuận khác. Chị H và anh K phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ án phí và

chi phí phát sinh liên quan theo quy định của pháp luật.

**2. Đối với bị đơn chị Dương Thị H và anh Lê Đăng K:** Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị H và anh K nhưng chị H và anh K đều vắng mặt tại các buổi làm việc, không đến Tòa án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh hoặc có yêu cầu phản tố với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 180, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 322, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 3, Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, đã đề nghị Hội đồng xét xử:

- + Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/11/2021) là: 763.754.528 đồng.

- + Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Nguyên đơn phải chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật.

- + Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc bị đơn phải hoàn trả số chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

- + Về án phí: buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

### **1. Về thủ tục tố tụng:**

1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Về thời hiệu khởi kiện: Vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện

1.3. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chị Dương Thị H có đăng ký tạm trú tại đường N, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đ. Bị đơn anh Lê Đăng K có đăng ký tạm trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.4. Về sự vắng mặt của bị đơn: Biên bản xác minh ngày 05/4/2021 tại Công an thị trấn Đ thể hiện: chị Dương Thị H và anh Lê Đăng K có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố A, thị trấn Đ, tại thời điểm xác minh, chị H và anh K không có mặt tại địa phương, không rõ đang sinh sống ở đâu vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã làm thủ tục thông báo ấn định thời gian làm việc đối với chị H và anh K trên Báo công lý các số 58, 59, 60 ra các ngày 20, 23, 27/7/2021; trên Đài tiếng nói Việt Nam phát sóng lúc 17h50-18h00 các ngày 21, 22, 23/7/2021 nhưng chị H và anh K đều không có thông tin gì. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, để tiến hành giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

## **2. Về nội dung tranh chấp:**

### **2.1. Về hợp đồng tín dụng:**

Căn cứ Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số DAL.CN.943.190917 ngày 20/9/2017, Ngân hàng TMCP A và anh Lê Đăng K, chị Dương Thị H có quan hệ tín dụng như sau:

- Theo Hợp đồng cấp tín dụng số DAL.CN.848.311017; Khế ước nhận nợ số DAL.CN.848.311017 (số tham chiếu 249070419) ngày 01/11/2017, chi tiết như sau: số tiền vay 430.000.000 đồng, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất vay 9,5%/năm; lãi suất được cố định trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức: Lãi suất cho vay (%/năm) = LS13 + 3% + X; lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn; lãi suất phạt chậm trả lãi 10%/năm.

- Theo Hợp đồng cấp tín dụng số DAL.CN.15.141217; Khế ước nhận nợ số DAL.CN.15.141217 (số tham chiếu 251941479) ngày 14/12/2017, chi tiết như sau: số tiền vay 50.000.000 đồng; thời hạn cho vay 12 tháng; lãi suất vay 11,2%/năm; lãi suất được cố định trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức: Lãi suất cho vay (%/năm) = LS13 + 5% + X; lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn; lãi suất phạt chậm trả lãi 10%/năm.

Ngày 01/11/2018, khoản vay theo khế ước nhận nợ số 249070419 đáo hạn nhưng chị H và anh K không thanh toán nợ vay. Do đó, tính kể từ ngày 02/11/2018, Ngân hàng TMCP A chuyển toàn bộ dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán của Khế ước nhận nợ trên sang nợ quá hạn. Ngày 14/12/2018, khoản vay theo Khế ước nhận nợ số 251941479 đáo hạn nhưng chị H và anh K không thanh toán nợ vay. Do đó, tính kể từ ngày 15/12/2018, Ngân hàng TMCP A chuyển toàn bộ dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán của Khế ước nhận nợ trên sang nợ quá hạn.

Khi đến hạn nhưng chị H và anh K không thanh toán nợ là vi phạm Điều 466 của Bộ luật Dân sự do đó Ngân hàng TMCP A khởi kiện yêu cầu chị H và anh K phải thanh toán số nợ gốc của cả hai hợp đồng tín dụng là có căn cứ, cần chấp nhận, buộc bị đơn phải thanh toán số nợ gốc của 2 hợp đồng tín dụng là 480.000.000 đồng (*Bốn trăm tám mươi triệu đồng*).

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về lãi suất, Hội đồng xét xử xét thấy: Nội dung thỏa thuận về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi phạt chậm trả lãi giữa Ngân hàng TMCP A và chị H, anh K theo hợp đồng cho vay từng lần, đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ là phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc cho vay của các tổ chức tín dụng tại Điều 3, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, phù hợp với các quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ Luật dân sự, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi phạt chậm trả lãi tính đến ngày xét xử ngày 16/11/2021 của cả hai hợp đồng tín dụng, cụ thể:

- Hợp đồng cấp tín dụng số DAL.CN.848.311017; Khế ước nhận nợ số DAL.CN.848.311017 (số tham chiếu 249070419) ngày 01/11/2017: Lãi trong hạn là 169.845.288 đồng, lãi quá hạn là 68.060.164 đồng, lãi phạt chậm trả lãi là 11.414.357 đồng.

- Hợp đồng cấp tín dụng số DAL.CN.15.141217; Khế ước nhận nợ số DAL.CN.15.141217 (số tham chiếu 251941479) ngày 14/12/2017: Lãi trong hạn là 23.557.260 đồng, lãi quá hạn là 9.070.685 đồng, lãi phạt chậm trả lãi là 1.806.774 đồng.

Chị H và anh K phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ kể từ ngày 17/11/2021 cho đến khi trả xong nợ.

## 2.2. Đối với tài sản thế chấp:

Về hiệu lực của hợp đồng thế chấp:

Để bảo đảm cho khoản vay, chị H và anh K đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 124241 đối với thửa đất

số 71, tờ bản đồ số 49 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp 12/10/2017 anh Lê Đăng K theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số DAL.BĐCN.458.311017 ngày 01/11/2017. Hợp đồng được công chứng tại Văn phòng công chứng Vũ Minh Vững, tỉnh Đắk Nông ngày 01/11/2017, đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đắk Mil ngày 01/11/2017. Như vậy Hợp đồng thế chấp giữa các bên được lập đúng hình thức, nội dung và có đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định pháp luật nên có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản thế chấp: Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 30/7/2021 xác định thửa đất số 71, tờ bản đồ số 49 tọa lạc tại xã Nam Xuân, huyện Krông Nô là phù hợp với bản đồ giải thửa; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trên thực tế phù hợp, đúng vị trí.

3. Đối với chị Dương Thị H và anh Lê Đăng K, mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần (đã tiến hành thông báo, niêm yết theo đúng quy định của pháp luật) và đã được thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng không có thông tin, không đến Tòa án làm việc; không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên phải chịu hậu quả về việc không đưa ra chứng cứ để chứng minh theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chi toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

5. Về các chi phí tố tụng khác:

5.1. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên chị Dương Thị H và anh Lê Đăng K có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định do Ngân hàng thương mại cổ phần A đã nộp tạm ứng trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự.

5.2. Về chi phí xác minh, đăng tin: Nguyên đơn phải chịu số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) chi phí xác minh, đăng tin theo Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp. Nguyên đơn đã thực hiện xong nghĩa vụ này.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 180, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 322, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 3, Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A (nguyên đơn) đối với chị Dương Thị H và anh Lê Đăng K (bị đơn) về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

1. Buộc chị Dương Thị H và anh Lê Đăng K phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/11/2021) là: 763.754.528 đồng (*Bảy trăm sáu mươi ba triệu bảy trăm năm mươi tư nghìn năm trăm hai mươi tám đồng*), cụ thể:

- Hợp đồng cấp tín dụng số DAL.CN.848.311017; Khế ước nhận nợ số DAL.CN.848.311017 (số tham chiếu 249070419) ngày 01/11/2017: Nợ gốc là 430.000.000 đồng (*Bốn trăm ba mươi triệu đồng*); lãi trong hạn là 169.845.288 đồng (*Một trăm sáu mươi chín triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm tám mươi tám đồng*); lãi quá hạn là 68.060.164 đồng (*Sáu mươi tám triệu không trăm sáu mươi nghìn một trăm sáu mươi tư đồng*); lãi phạt chậm trả lãi là 11.414.357 đồng (*Mười một triệu bốn trăm mười bốn nghìn ba trăm năm bảy đồng*).

- Hợp đồng cấp tín dụng số DAL.CN.15.141217; Khế ước nhận nợ số DAL.CN.15.141217 (số tham chiếu 251941479) ngày 14/12/2017: Nợ gốc là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*); lãi trong hạn là: 23.557.260 đồng (*Hai mươi ba triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi đồng*), lãi quá hạn là 9.070.685 đồng (*Chín triệu không trăm bảy mươi nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng*), lãi phạt chậm trả lãi là 1.806.774 đồng (*Một triệu tám trăm lẻ sáu nghìn bảy trăm bảy mươi bốn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17/11/2021) chị Dương Thị H và anh Lê Đăng K phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất được thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ cho đến khi trả xong nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.



2. Trường hợp chị Dương Thị H và anh Lê Đăng K không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 124241 đối với thửa đất số 71, tờ bản đồ số 49 tọa lạc tại xã N, huyện K, tỉnh Đ do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp 12/10/2017 anh Lê Đăng K để thu hồi nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Dương Thị H và anh Lê Đăng K phải nộp: 34.550.000 đồng (*Ba mươi tư triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A, chi nhánh Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.297.000 đồng (*Mười lăm triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn đồng*) theo biên lai số 0003632 ngày 13/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đ.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Chị Dương Thị H và anh Lê Đăng K có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*) chi phí xem xét thẩm định do Ngân hàng thương mại cổ phần A đã nộp tạm ứng trong quá trình giải quyết vụ án.

5. Về chi phí xác minh, đăng tin: Nguyên đơn phải chịu số tiền 5.000.000 đồng chi phí xác minh, đăng tin và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp. Nguyên đơn đã thực hiện xong nghĩa vụ này.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02);
- Chi Cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Trung Dũng**